

Bản án số: **49/2019/HSST**

Ngày: 22/8/2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐBP, TỈNH ĐB

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hà Thị Tám;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Cao Thị Hồng Minh
2. Bà Lò Thị Đình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb tham gia phiên tòa: Ông Lưu Ngọc Thắng - Kiểm sát viên;

Ngày 22 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 48/2019/HSST ngày 12 tháng 7 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 49/2019/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Trần Ngọc T** Tên gọi khác: Không;

Sinh ngày: 26/11/1982 tại Đb;

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố 27, phường MT, thành phố Đbp, tỉnh Đb;

Chỗ ở: Tổ dân phố 09, phường NT, thành phố Đbp, tỉnh Đb;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không;

Nghề nghiệp: Nguyên giáo viên; Chức vụ: Nguyên Phó bí thư chi bộ, Phó hiệu trưởng Trường mầm non xã Thanh Nưa, huyện Đb, tỉnh Đb. Ngày 02/11/2017, T bị đình chỉ sinh hoạt Đảng;

Trình độ học vấn: 12/12 phổ thông;

Con ông: Trần Văn Đ và con bà Bùi Thị N; cùng trú tại xã TA, huyện Đb, tỉnh Đb;

Bị cáo có 04 chị em ruột, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình;

Bị cáo có chồng: Trần Minh H - Sinh năm 1974; chỗ ở: Tổ dân phố 09, phường NT, thành phố Đbp, tỉnh Đb;

Bị cáo có 02 con, lớn nhất sinh năm 2007, nhỏ nhất sinh năm 2009.

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo Trần Ngọc T bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày

12/10/2017 đến ngày 20/10/2017, sau đó áp dụng biện pháp tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Đbp, đến ngày 03/01/2018, T được thay đổi biện pháp ngăn chặn tạm giam bằng biện pháp cho Bảo lãnh, do không đủ điều kiện tạm giam theo Điều 119 Bộ luật Tố tụng hình sự. T bỏ trốn đến ngày 17/5/2019 ra đầu thú và ngày 18/5/2019 bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ đến ngày 20/5/2019, sau đó áp dụng biện pháp tạm giam cho đến nay. Hiện bị cáo đang bị tạm giam tại nhà tạm giữ Công an thành phố Đbp; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

***Người bị hại:** Bà Phạm Thị X; Địa chỉ: Số nhà 02, tổ dân phố 08, phường TT, thành phố Đbp, tỉnh Đb - Có mặt;

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ông Trần Minh H; Địa chỉ: Tổ dân phố 09, phường NT, thành phố Đbp, tỉnh Đb - Có mặt;

2. Bà Bùi Thị N; Địa chỉ: Tổ dân phố 12, phường NT, thành phố Đbp, tỉnh Đb – Vắng mặt;

3. Bà Phạm Thị L; Địa chỉ: tổ 01, phường Noong Bua, thành phố Đbp, tỉnh Đb – Vắng mặt;

4. Bà Phạm Thị H; Địa chỉ: tổ dân phố 26, phường MT, thành phố Đbp, tỉnh Đb – Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

1. Về hành vi phạm tội của bị cáo:

Vào khoảng thời gian giữa tháng 8/2017, thông qua mạng Zalo, Trần Ngọc T biết một người tên Mạnh làm được Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả. Để vay được tiền, T đã liên lạc với Mạnh, thỏa thuận giá làm một Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả là 13.000.000 đồng, chuyển trước 4.000.000 đồng, khi nào nhận được giấy chứng nhận giả thì trả nốt 9.000.000 đồng. T gửi cho Mạnh 4.000.000 đồng, Mạnh gọi điện bảo T tìm hình ảnh sổ đỏ thật gửi qua Zalo cho Mạnh. T biết chị Chu Thị H Yến đang rao bán 01 mảnh đất ở khu dân cư mới Bom La, xã Thanh Xương, huyện Đb, ngày 04/9/2017 T nhắn tin bảo chị Yến chụp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất gửi cho T. T gửi tiếp cho Mạnh và bảo Mạnh làm giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên và địa chỉ của T. Mấy ngày sau, T nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên mình, nên gửi trả cho Mạnh 9.000.000 đồng qua dịch vụ bưu điện. Qua bạn bè, T biết bà Phạm Thị X ở tổ 08, phường TT, thành phố Đbp là người có tiền cho vay. Trưa ngày 14/9/2017, T gọi điện trước, rồi đến nhà bà X giới thiệu địa chỉ và nơi làm việc của mình, đặt vấn đề vay 600.000.000 đồng để đầu tư làm ăn,

trong thời gian khoảng 02 tháng, bà X đồng ý nhưng yêu cầu T pH có thể chấp. Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 15/9/2017, T đem Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả đến đưa cho bà X để thế chấp vay tiền, bà X không biết nên đã đồng ý cho T vay với lãi suất như vay của Ngân hàng. Cả hai thỏa thuận đến Văn phòng công chứng để làm thủ tục chuyển quyền sử dụng đất, khi nào T trả lại tiền cho bà X thì sẽ hủy hợp đồng này. Khi đến phòng công chứng Đb, thuộc tổ 03, phường TT, thành phố Đbp làm thủ tục chuyển nhượng, T nói rõ cho chị Phạm Thị L - công chứng viên biết chỉ là vay tiền của nhau, không pH mua bán, làm hợp đồng chuyển nhượng để bà X yên tâm, bà X không được bán hay sang tên đổi chủ cho ai khác. Chị L thấy sổ đỏ có sau khi kết hôn (không biết là giả), nên bảo T gọi điện cho chồng mang chứng minh nhân dân đến để cùng ký vào hợp đồng. T gọi điện thoại cho chồng là Trần Minh H nói dối mới mua được một mảnh đất hơn 1 tỷ bằng tiền thu lại từ dự án rau sạch, hiện còn thiếu 600.000.000 đồng nữa, nên pH làm hợp đồng vay tiền bằng cách thế chấp mảnh đất đó. Anh H đến phòng công chứng thấy giá trị mảnh đất lớn hơn số tiền vay, đã yêu cầu bà X viết giấy cam kết không được mua bán hay chuyển nhượng mảnh đất cho ai. Bà X đã viết giấy cho vợ chồng T vay 600.000.000 đồng và cam kết theo yêu cầu của anh H. Sau khi lập xong hợp đồng công chứng, bà X giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, anh H cầm giấy cam kết của bà X viết về nhà, còn T đến nhà bà X nhận 600.000.000 đồng vay. Toàn bộ số tiền này T dùng mua tiền ảo ETH.

Do muốn vay thêm tiền để mua tiền ảo ETH, nên ngày 03/10/2017 T tiếp tục gọi Zalo cho Mạnh bảo làm thêm 01 sổ đỏ giả nữa. T lên mạng Internet tìm được một giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cũng ở khu dân cư mới Bom La, xã Thanh Xương, tải hình ảnh về và gửi qua Zalo cho Mạnh. Với phương thức như lần trước, ngày 06/10/2017, T lại nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả mang tên và địa chỉ của mình. T mang đến gặp bà X hỏi vay tiếp 500.000.000 đồng, bà X và T cùng ra Phòng công chứng X Phúc, ở tổ 21, phường MT, thành phố Đbp để làm hợp đồng chuyển nhượng, thì bị chị Phạm Thị H, chuyên viên văn phòng Công chứng phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất giả, T bỏ đi. Bà X mới phát hiện Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất T thế chấp ngày 15/9/2017 để vay tiền của bà cũng là giả nên đã báo cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đbp.

Hồi 22 giờ 30 phút ngày 11/10/2017 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đbp, khám xét khẩn cấp chỗ ở của Trần Ngọc T, tại số nhà 94, tổ dân phố 9, phường NT, thành phố Đbp. Qua khám xét đã thu giữ trong két sắt để ở buồng ngủ nhà T 01 gói thuốc phiện có khối lượng 3,34 gam, T khai mua của một người thanh niên không quen biết ở ngoài đường khu vực Nghĩa trang A1,

thuộc tổ dân phố 23, phường MT, thành phố Đbp vào cuối năm 2015, với giá 500.000 đồng, mục đích để làm thuốc chữa bệnh.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc T khai nhận:

Hồi 22 giờ 30 phút ngày 11/10/2017, tại số nhà 94, tổ dân phố 09, phường NT, thành phố Đbp, Trần Ngọc T đã có hành vi cất giấu trái phép 3,34 gam Thuốc phiện, mục đích để làm thuốc chữa bệnh.

Ngày 15/9/2017 và ngày 06/10/2017, trên địa bàn thành phố Đbp, Trần Ngọc T đã 02 lần có hành vi sao chụp hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của người khác, rồi chuyển cho Mạnh thuê làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa dối bà Phạm Thị X, Văn phòng công chứng Đb và Văn phòng Công chứng X Phúc, vay được 600.000.000 đồng.

Các vấn đề khác:

Tại bản kết luận giám định số 785/GĐ-PC54 ngày 12/10/2017 phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đb kết luận:

- Chữ ký đứng tên Bùi H Bình trên 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

“GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” cấp cho bà Trần Ngọc T sinh năm 1982, mã số hiệu CD184147, số vào sổ cấp GCN: CH01921 ngày 27/9/2017.

“GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” cấp cho bà Trần Ngọc T sinh năm 1982, mã số hiệu BS471877, số vào sổ cấp GCN: CH02522 ngày 18/8/2017 và 6 chữ ký đứng tên Bùi H Bình trên công văn số 1753/UBND – VP đề ngày 09/10/2017 **không pH do cùng một người ký ra.**

-Hình dấu tròn trên 02 (hai) Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cụ thể như sau:

“GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” cấp cho bà Trần Ngọc T sinh năm 1982, mã số hiệu CD184147, số vào sổ cấp GCN: CH01921 ngày 27/9/2017.

“GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT, QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT” cấp cho bà Trần Ngọc T sinh năm 1982, mã số hiệu BS471877, số vào sổ cấp GCN: CH02522 ngày 18/8/2017 và 06 (sáu) hình tròn đỏ trên công văn số 1752/UBND – VP đề ngày 09/10/2017 **không pH do cùng một con dấu đóng ra.**

Tại bản kết luận giám định số 08/GĐ-PC54 ngày 18/10/2017 của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đb kết luận: Mẫu chất dẻo màu nâu gửi giám định là ma túy: Loại thuốc phiện, có khối lượng 3,34 gam, hoàn lại mẫu vật sau khi giám định là 2,94 gam thuốc phiện.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có khiếu nại về kết luận giám định của phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đb nêu trên.

2.Cáo trạng của Viện kiểm sát:

Bản cáo trạng số: 46/CT- VKSTPĐBP ngày 11/7/2019 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp truy tố ra trước Tòa án nhân dân thành phố Đbp để xét xử bị cáo Trần Ngọc T về các tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*” quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015.

Áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với cả 02 tội.

Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T từ 12 tháng đến 18 tháng tù về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy. Từ 2 năm 6 tháng đến 3 năm tù về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt chung cho cả hai tội, buộc bị cáo pH chịu từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm 06 tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về vật chứng: Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự. Tịch thu tiêu hủy 2,94 gam thuốc phiện còn lại sau khi giám định; 01 vỏ nilon màu hồng, trắng, xanh, đỏ; 01 mảnh nilon màu trắng trong suốt; 01 bản giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần Ngọc T CD184147, vào sổ số cấp GCN: CH01921, cấp ngày 29/9/2017; 01 bản giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần Ngọc T BS471877, vào sổ số cấp GCN: CH02522, cấp ngày 18/8/2017. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước một chiếc điện thoại Oppo màu đen kèm sim. Trả lại cho Trần Ngọc T 01 chiếc xe máy cũ đã qua sử dụng nhãn hiệu Honda LEAD màu trắng, xe mang BKS 27B1 – 59900 kèm theo chìa khóa xe.

Về án phí: Bị cáo pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị cáo nhất trí với quyết định truy tố và luận tội của Viện kiểm sát.

Lời nói sau cùng của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo Trần Ngọc T đã nhận thức được hành vi của mình là sai trái, vi phạm pháp luật, thừa nhận hành vi phạm tội như bản cáo trạng truy tố là đúng, bị cáo không tham gia tranh luận với đại diện Viện Kiểm sát mà chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Đbp, tỉnh Đb, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về hành vi bị truy tố của bị cáo:

Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với biên bản thu giữ tài liệu đồ vật, kết luận giám định và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án; do vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ xác định: Hồi 22 giờ 30 phút ngày 11/10/2017, tại số nhà 94, tổ dân phố 09, phường NT, thành phố Đbp, Trần Ngọc T đã có hành vi cất giấu trái phép 3,34 gam Thuốc phiện, mục đích để làm thuốc chữa bệnh.

Ngày 15/9/2017 và ngày 06/10/2017, trên địa bàn thành phố Đbp, Trần Ngọc T đã 02 lần có hành vi sao chụp hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của người khác rồi chuyển cho Mạnh thuê làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa dối bà Phạm Thị X, Văn phòng công chứng Đb và Văn phòng Công chứng X Phúc vay được 600.000.000 đồng.

Trần Ngọc T thực hiện các hành vi phạm tội trước ngày Bộ luật hình sự năm 2015 có hiệu lực thi hành. Nhưng tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức, quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015, đều có mức hình phạt nhẹ hơn Bộ luật hình sự năm 1999. Thực hiện các quy định có lợi cho người phạm tội theo khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết số 41/2017/QH14 của Quốc hội, bị can chỉ pH chịu trách nhiệm hình sự về các điều tương ứng quy định tại Bộ luật hình sự năm 2015.

Hành vi nêu trên của bị cáo T có đủ các yếu tố cấu thành tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Tại Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào tàng trữ trái phép chất ma túy mà không nhằm mục đích mua bán, vận chuyển, sản xuất trái phép chất ma túy thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

... b) nhựa thuốc phiện, ...có khối lượng từ 01 gam đến dưới 500 gam”

Tại Điều 341 Bộ luật hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào làm giả con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ của cơ quan, tổ chức hoặc sử dụng con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ giả thực hiện hành vi trái pháp luật, thì bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 02 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 05 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

c) Làm từ 02 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác đến 05 con dấu, tài liệu hoặc giấy tờ khác”.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo thực hiện hành vi do lỗi cố ý trực tiếp; vì vậy khẳng định Viện kiểm sát truy tố bị cáo về các tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” và “Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức” theo điều luật đã viện dẫn ở trên là hoàn toàn có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo thì thấy:

Qua phiên xét hỏi vụ tranh luận tại phiên họp tố tụng phiên đầu tiên của phiên xét xử sơ thẩm, bị cáo Trần Ngọc T phạm tội do thiêu ý thức răn dạy bản thân, tu dưỡng phẩm chất đạo đức vụ thiêu ý thức trong việc chấp hành các quy định của pháp luật; nên theo các vi phạm của mình vụ phạm pháp luật hèn nhát của mình phạm tội:

Ngày 11/10/2017 Trần Ngọc T có hành vi cất giấu trái phép chất 3,34 gam thuốc phiện, mục đích để làm thuốc chữa bệnh. Ngày 15/9/2017 và ngày 06/10/2017 T đã có 02 lần có hành vi sao chụp hình ảnh giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thật của người khác, rồi chuyển cho Mạnh thuê làm giả 02 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để lừa dối bà Phạm Thị X, Văn phòng công chứng Đb và Văn phòng Công chứng X Phúc vay được số tiền 600.000.000 đồng. Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đbp ra Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can về hành vi phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy và tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo T đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Sau khi bỏ trốn bị cáo đã đến Cơ quan công an đầu thú. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với cả hai tội.

Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Ngọc T là nguy hiểm cho xã hội, xâm hại đến chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về các chất ma túy và xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính của Nhà nước, lợi ích của tổ chức cá nhân, xâm

phạm trật tự an toàn xã hội, gây mất trật tự tại địa phương, gây dư luận xấu trên địa bàn thành phố Đbp.

Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đbp, tỉnh Đb tại phiên tòa là có căn cứ và phù hợp với các quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết pH cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để bị cáo có điều kiện lao động, học tập, cải tạo sửa chữa lỗi lầm để trở người công dân có ích cho gia đình và xã hội.

[4] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có thu nhập, không có tài sản riêng, không có khả năng thi hành. HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về vật chứng vụ án: Tịch thu tiêu hủy 2,94 gam thuốc phiện còn lại sau khi giám định; 01 vỏ nilon màu hồng, trắng, xanh, đỏ; 01 mảnh nilon màu trắng trong suốt; 01 bản giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần Ngọc T CD184147, vào sổ số cấp GCN: CH01921, cấp ngày 29/9/2017; 01 bản giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần Ngọc T BS471877, vào sổ số cấp GCN: CH02522, cấp ngày 18/8/2017. Tịch thu sung ngân sách Nhà nước một chiếc điện thoại Oppo màu đen kèm sim. Trả lại cho Trần Ngọc T 01 chiếc xe máy cũ đã qua sử dụng nhãn hiệu Honda LEAD màu trắng, xe mang BKS 27B1 – 59900 kèm theo chìa khóa xe.

[6] Các vấn đề khác: Bị cáo không biết địa chỉ của Mạnh và người thanh niên bán ma túy cho mình nên không có cơ sở để làm rõ. Do vậy Hội đồng xét xử không đặt vấn đề xử lý.

Một số tài sản giấy tờ không liên quan đến hành vi phạm tội, cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu. Xét thấy cơ quan điều tra đã xử lý đúng theo quy định của pháp luật. Do vậy tại phiên tòa HĐXX không đặt vấn đề giải quyết.

Đối với số tiền 600.000.000 đồng bị cáo vay của bà X, bà X tự thỏa thuận với bị cáo không yêu cầu giải quyết.

[7] Án phí: Bị cáo Trần Ngọc T pH chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Tuyên bố: Bị cáo **Trần Ngọc T** phạm hai tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” và tội “*Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức*”.

2.Áp dụng: điểm b khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 01 (một) năm tù. Về tội Tàng trữ trái phép chất ma túy

Áp dụng: điểm b, c khoản 2 Điều 341; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015. Xử phạt bị cáo Trần Ngọc T 2 (hai) năm 6 (sáu) tháng tù. Về tội Làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan, tổ chức.

Áp dụng: Điểm a khoản 1 Điều 55 Bộ luật hình sự.

Tổng hợp hình phạt cho cả 02 tội, buộc bị cáo Trần Ngọc T pH chấp hành 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giữ (18/5/2019). Khẩu trừ cho bị cáo 02 tháng 24 ngày đã bị tạm giữ, tạm giam trước đó. Bị cáo còn pH chấp hành hình phạt tù là 03 (ba) năm 03 (ba) tháng 06 (sáu) ngày tù.

3. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự và điểm a, c khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy 2,94 gam thuốc phiện còn lại sau khi giám định; 01 vỏ nilon màu hồng, trắng, xanh, đỏ; 01 mảnh nilon màu trắng trong suốt; 01 bản giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần Ngọc T CD184147, vào sổ số cấp GCN: CH01921, cấp ngày 29/9/2017; 01 bản giả Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất mang tên Trần Ngọc T BS471877, vào sổ số cấp GCN: CH02522, cấp ngày 18/8/2017.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước một chiếc điện thoại Oppo màu đen kèm sim;

Trả lại cho Trần Ngọc T 01 chiếc xe máy cũ đã qua sử dụng nhãn hiệu Honda LEAD màu trắng, xe mang BKS 27B1 – 59900 kèm theo chìa khóa xe.

(Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/7/2019 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra và Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đbp, tỉnh Đb).

4. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo Trần Ngọc T pH chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Bị cáo, người bị hại và người liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 22/8/2019). Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDTPĐBP;
- Những người tham gia tố tụng;
- CQCSĐT Công an TPĐBP;
- Nhà tạm giữ CATP;
- Bị cáo;
- Sở Tư pháp tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- HS Thi hành án HS;
- Chi cục Thi hành án DS TPĐBP;
- TAND tỉnh ĐB;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hà Thị Tám